

Số: /2023/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH
Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi
trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16/6/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 1043/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số...../TTr-SNN ngàytháng..... năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày.....tháng.....năm 2023 và thay thế Quyết định số 1043/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Công ty TNHH MTV quản lý, khai thác công trình thủy lợi Bắc Kạn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó VP/UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học-Công báo;
- Công ty TNHH MTV quản lý khai thác công trình thủy lợi Bắc Kạn;
- Lưu: VT, NNTNMT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

QUY ĐỊNH

Phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn
(Kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này áp dụng đối với việc quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước; Đối với các công trình thủy lợi do tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng thì tổ chức, cá nhân đó có trách nhiệm quản lý, khai thác đảm bảo theo quy định của pháp luật, đảm bảo an toàn, sử dụng có hiệu quả.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. “*Công trình thủy lợi*” là công trình hạ tầng kỹ thuật thủy lợi bao gồm đập, hồ chứa nước, cống, trạm bơm, hệ thống dẫn, chuyển nước, kè, bờ bao thủy lợi và công trình khác phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi

2. “*Công trình thủy lợi liên xã*” là công trình thủy lợi có liên quan hoặc phục vụ tưới, tiêu, cấp nước cho tổ chức, cá nhân hưởng lợi thuộc từ 2 xã, phường hoặc thị trấn trở lên (sau đây gọi tắt là liên xã).

3. “*Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi*” (bao gồm cả đất gắn với công trình thủy lợi) do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công bao gồm: Đập (đập thủy lợi và các công trình phụ trợ gắn liền với đập thủy lợi), hồ chứa nước (gồm đập tạo hồ, tràn, cống, lòng hồ, cống lấy nước, cống xả đáy...), cống, trạm bơm, hệ thống dẫn, chuyển nước, kè, bờ bao thủy lợi và công trình phụ trợ phục vụ quản

lý, khai thác thủy lợi (Nhà, trạm, đường quản lý, thiết bị quan trắc, kho, bãi vật tư, cột mốc chỉ giới, biển báo)

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp quản lý công trình thủy lợi

1. Quản lý thống nhất theo hệ thống công trình thủy lợi từ đầu mối đến nội đồng, phù hợp với hiện trạng năng lực quản lý, khai thác của các tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh và phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chất lượng nước phục vụ sản xuất, dân sinh và các ngành kinh tế.

2. Căn cứ vào quy mô, kỹ thuật quản lý, vận hành của công trình, yêu cầu về năng lực của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi để phân cấp quản lý công trình đảm bảo theo quy định, phù hợp với thực tế địa phương, thuận lợi cho đơn vị khai thác công trình.

3. Việc phân cấp quản lý công trình thủy lợi phải phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý tài sản công và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phân cấp quản lý công trình thủy lợi

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý các công trình thủy lợi sau:

a. Các công trình hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

b. Các công trình đập dâng, kênh dẫn có diện tích tưới từ 15ha trở lên hoặc công trình có kỹ thuật quản lý, vận hành phức tạp, các công trình liên xã.

c. Các trạm bơm điện, trạm bơm dầu, trạm bơm thủy luân có diện tích tưới từ 15ha trở lên hoặc phục vụ tưới trong phạm vi liên xã.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý các công trình thủy lợi sau:

a. Các hồ chứa nhỏ nằm trong đô thị (thị trấn) hoặc các hồ chứa nhỏ khác tùy vào điều kiện năng lực của các đơn vị khai thác công trình và điều kiện thực tế tại địa phương, Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu cho UBND tỉnh giao danh mục công trình cho địa phương quản lý.

b. Các công trình đập dâng, kênh dẫn, trạm bơm điện, trạm bơm dầu, bơm thủy luân trên địa bàn không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 5. Phương thức khai thác công trình thủy lợi

1. Công ty TNHH MTV quản lý, khai thác công trình thủy lợi Bắc Kạn khai thác các công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý theo phương thức đặt hàng.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện giao các Tổ chức thủy lợi cơ sở hoặc các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực khai thác các công trình được phân cấp quản lý theo phương thức đặt hàng.

Điều 6. Quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ sở hữu đối với các công trình thủy lợi do tỉnh quản lý; Ủy ban nhân dân tỉnh giao quyền, trách nhiệm đại diện chủ sở hữu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các công trình được phân cấp quản lý.

2. Sở Nông nghiệp và PTNT là chủ quản lý công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý; Phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thủy lợi là chủ quản lý công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý.

3. Sở Nông nghiệp và PTNT là cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với các công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý; Phòng chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao nhiệm vụ chủ quản lý công trình là cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với các công trình được phân cấp quản lý.

Điều 7. Thẩm quyền phê duyệt công bố công khai quy trình vận hành công trình thủy lợi và phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành công trình thủy lợi và phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi đối với các công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý trừ công trình thủy lợi quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành công trình thủy lợi và phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi đối với các công trình thủy lợi được phân cấp quản lý trừ công trình thủy lợi quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Đối với các công trình thủy lợi nhỏ, tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác lập quy trình vận hành, công bố công khai và quyết định phương án bảo vệ công trình thủy lợi.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các đơn vị, địa phương

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a. Thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ quản lý công trình thủy lợi được giao quản lý theo quy định của Luật Thủy lợi và các quy định khác có liên quan.

b. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức triển khai, theo dõi kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

c. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo, hướng dẫn thành lập, củng cố, kiện toàn các tổ chức thủy lợi cơ sở theo quy định;

d. Tổ chức hướng dẫn, tập huấn nâng cao năng lực cho các tổ chức, cá nhân làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn toàn tỉnh.

đ. Hàng năm xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn toàn tỉnh.

e. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục các công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân tỉnh và các địa phương quản lý theo quy định tại Điều 4.

g. Đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với các công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

2. Sở Tài chính

a. Chủ trì hướng dẫn chủ quản lý công trình thực hiện chế độ kế toán, chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

b. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

a. Chủ trì hướng dẫn các đơn vị khai thác công trình thủy lợi lập hồ sơ đăng ký hoặc xin cấp phép khai thác, sử dụng nước mặt đối với các công trình thủy lợi cần đăng ký hoặc xin cấp phép theo quy định của Luật Tài nguyên nước.

b. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a. Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã tổ chức thực hiện thành lập, củng cố, kiện toàn phát triển các tổ chức thủy lợi cơ sở đảm bảo theo quy định

b. Chỉ đạo, đôn đốc thực hiện công tác lựa chọn, ký kết hợp đồng đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi với các tổ chức, cá nhân có năng lực đảm bảo theo quy định; giám sát, nghiệm thu việc cung cấp và sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

c. Định kỳ hàng năm, tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trên địa bàn gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT trước ngày 10 tháng 02 hàng năm để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

d. Giao Phòng chuyên môn thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ quản lý công trình thủy lợi được giao quản lý theo quy định của Luật Thủy lợi và các quy định khác có liên quan.

e. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

g. Thường xuyên rà soát danh mục các công trình đầu tư xây dựng mới trên địa bàn, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và PTNT) giao quản lý theo quy định.

5. Các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi

a. Thực hiện quyền và trách nhiệm của tổ chức khai thác công trình thủy lợi theo quy định của Luật Thủy lợi và các quy định khác có liên quan.

b. Định kỳ báo cáo hoặc báo cáo đột xuất khi có sự thay đổi về hiện trạng công trình và tình hình quản lý, khai thác công trình thủy lợi về Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo phân cấp quản lý.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các Sở, Ban, ngành UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và PTNT) để xem xét điều chỉnh bổ sung cho phù hợp.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

